

## Phân tích nhận thức của đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

Đặng Tường Anh Thư, Phạm Trung Hậu, Nguyễn Thị Trà,  
Nguyễn Hữu Lộc, Trần Hoài Nam

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nông lâm Tp HCM

Email: 18120224@st.hcmuaf.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/12/2022; Ngày sửa bài: 28/4/2022; Ngày duyệt đăng: 03/5/2022

### Tóm tắt

Sau 10 năm triển khai chương trình nông thôn mới đã mang lại những kết quả tích cực đến đời sống và nhận thức của người dân, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của đồng bào dân tộc S'tiêng về chương trình này. Số liệu được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp 153 hộ đồng bào dân tộc S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Mô hình hồi quy logit đa thức theo phương pháp ước lượng cực đại (MLE) được sử dụng để phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xác suất hộ biết rõ về chương trình là 64% ( $Y_2/Y_0$ ) và biết nhưng không rõ về chương trình là 26% ( $Y_1/Y_0$ ). Các hộ đồng bào dân tộc S'tiêng khá hài lòng về các tiêu chí đã triển khai trên địa bàn và những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của hộ dân về chương trình Nông thôn mới.

**Từ khóa:** dân tộc S'tiêng, mô hình logit đa thức, nhận thức, nông thôn mới

### Analyzing the perception of S'tiêng ethnic minority about the New Rural Program in Hung Phuoc commune, Bu Dop district, Binh Phuoc province

#### Abstract

After ten years of implementation, the New Rural Program has positively impacted people's lives and perceptions, especially the ethnic minorities. This study aimed to analyze factors affecting the perception of the S'tiêng ethnic minority about this program. The data were collected through direct interviews with 153 S'tiêng ethnic households in Hung Phuoc commune, Bu Dop district, Binh Phuoc province. A multinomial Logit regression model with an MLE estimating method was used to analyze the data. The result shows that the probability of a household knowing well is 64% ( $Y_2/Y_0$ ) and a household knowing but not well is 26% ( $Y_1/Y_0$ ). S'tiêng ethnic households are pretty satisfied with the criteria implemented in the area and factors affecting the household perception of the New Rural Program.

**Keywords:** S'tiêng ethnic, new rural, multinomial logit model, perception

#### 1. Mở đầu

Chương trình nông thôn mới (NTM) là chương trình mục tiêu quốc gia tại Việt Nam. Qua mười năm (2010-2020) thực hiện, cả nước đã có 4.665 xã (52,4%) được

công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, và hoàn thành vượt 2,4% so với mục tiêu mười năm của Đảng, Quốc hội và Chính phủ giao (Bộ Nội vụ, 2020). Chương trình đã tác động tích cực đến bộ mặt nông thôn Việt

Nam về nhiều phương diện như đời sống người dân được nâng cao, cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, an sinh xã hội ngày càng ổn định, hệ thống chính trị ngày càng hoàn thiện vững chắc (Hà Quang Trung và cộng sự, 2020). Chính vì thế, việc xây dựng nông thôn mới là một vấn đề cấp thiết trong chiến lược phát triển dài hạn tại Việt Nam.

Bình Phước là một trong những tỉnh đã và đang thực hiện tốt việc xây dựng nông thôn mới, từng bước vươn lên và cải thiện vị thế trong khu vực Đông Nam Bộ. Đến nay, toàn tỉnh có ba địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, 60/90 xã đạt chuẩn NTM, tám xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, 13 thôn, ấp được công nhận đạt chuẩn NTM (Cổng thông tin điện tử Bình Phước, 2021). Nhận thức của phần lớn người dân về xây dựng NTM được nâng cao và xây dựng NTM lan rộng khắp trong toàn tỉnh. Tuy vậy, với 20% dân số là người đồng bào dân tộc (đa số là đồng bào S'tiêng) địa bàn sinh sống chủ yếu là rừng núi, tỷ lệ hộ nghèo cao, nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng thấp nên việc triển khai chương trình NTM tại những khu vực này còn nhiều trở ngại. Chính vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích nhận thức của đồng bào S'tiêng về chương trình NTM, từ đó đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao nhận thức của hộ đồng bào S'tiêng về chương trình NTM tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

## 2. Cơ sở lý thuyết

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người (nhận thức, tình cảm và hành động) và nhận thức là một quá trình đặc trưng ở con người (Nguyễn Quang Uẩn và cộng sự, 2008). Các nghiên cứu đã thực hiện nghiên cứu về nhận thức trong nhiều vấn đề và lĩnh vực nhằm nâng

cao nhận thức và góp phần cải thiện đời sống người dân như giảm thiểu rủi ro đối với tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (Hồ Thanh Tâm, 2017; Trương Trí Thông và Nguyễn Thị Tường Vi, 2020; Hà Phước Hùng và Võ Lê Khánh Quỳnh, 2020), cải thiện tình trạng ô nhiễm nguồn nước (Võ Thành Danh, 2010), cải thiện sức khỏe cho đồng bào dân tộc (Nguyễn Văn Dũng và cộng sự, 2012). Qua 10 năm (2010-2020) thực hiện, chương trình xây dựng NTM là cơ hội tốt để nâng cao đời sống người dân và bộ mặt nông thôn (Nguyễn Duy Cần và cộng sự, 2012) được nhiều nhà nghiên cứu tập trung phân tích về phát triển kinh tế hộ (Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang, 2020), cải thiện vay vốn (Tô Ngọc Hưng và Nguyễn Đức Trung, 2017), cải thiện thu nhập (Nguyễn Thùy Trang và cộng sự, 2016; Do và Park, 2019), cải thiện đời sống xã hội (Phùng Thị Huyền, 2018), văn hóa (Trần Hữu Sơn và Đặng Thị Nguyệt, 2015). Có thể thấy chương trình nông thôn mới không chỉ đem lại những lợi ích về vật chất mà còn mang lại nhiều giá trị về văn hóa và tinh thần cho đời sống của các hộ nông dân (Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú, 2016). Vì vậy, việc đánh giá nhận thức của các nông hộ đối với chương trình có một vai trò quan trọng, nhằm tìm ra những giải pháp hiệu quả nâng cao nhận thức của các hộ nông dân trong việc tối ưu hóa những lợi ích từ chương trình NTM.

Theo quan điểm của Osberghaus và cộng sự (2010), mỗi cá nhân sẽ có nhận thức khác nhau về cùng một tình huống hoặc hiện tượng bằng cách tiếp nhận các nguồn thông tin giống hoặc khác nhau và trong quá trình nhận thức các nguồn thông tin tiếp cận càng chính xác và cụ thể đến từng cá nhân sẽ càng có hiệu quả cao (Klein và cộng sự, 1999). Như vậy, nhận thức chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như nhân khẩu học, ngoại

cảnh, xã hội, văn hóa, cá tính (Ajzen và Fishbein, 2005).

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, báo cáo thường niên và các nguồn thông tin tư liệu khác để phục vụ cho nghiên cứu.

Theo nghiên cứu của Tabachnick và Fidell (1996) khi sử dụng các phương pháp hồi quy, kích thước mẫu cần thiết được tính theo công thức:  $n \geq 50 + 8p$ . Trong đó:  $n$  là kích thước mẫu tối thiểu cần thiết,  $p$  là số lượng biến độc lập trong mô hình. Do đó, 08 biến độc lập trong mô hình nghiên cứu được đề xuất thì cỡ mẫu cần điều tra là  $n \geq 50 + 8 \cdot 8 = 114$  quan sát. Vậy với cỡ mẫu 153 quan sát, dữ liệu đã đảm bảo thực hiện kiểm định mô hình nghiên cứu. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và tiến hành phỏng vấn các hộ dân tộc S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước để phục vụ

cho nghiên cứu.

#### 3.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu được mã hóa và xử lý trên phần mềm Limdep 9, phương pháp hồi quy logit đa thức được sử dụng để phân tích nhận thức về chương trình NTM của hộ đồng bào S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Mô hình hồi quy logit đa thức được sử dụng nhằm dự đoán và giải thích mối quan hệ của các biến trong nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh doanh, kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, cũng như trong lĩnh vực nông nghiệp. Mô hình hồi quy logit đa thức tương tự như mô hình hồi quy logit nhị thức nhưng biến phụ thuộc là biến định tính có nhiều hơn hai trạng thái (Pannapa and Dennis, 2015). Trong nghiên cứu, biến phụ thuộc nhận các giá trị với  $P(Y = 0; 1; 2)$ , chính vì vậy, mô hình logit đa thức là mô hình phù hợp để sử dụng trong nghiên cứu này. Mô hình hồi quy logit đa thức được thể hiện như sau:

$$\text{Log} \left( \frac{p_{ij}}{p_{i1}} \right) = x_i \beta_j ; j = 1, \dots, j, i = 1, \dots, N$$

Trong đó:  $P_{ij}$  là xác suất của  $(Y=j/x)$ :

$$p(y = j / x_i) = \frac{\exp(x_i \beta_j)}{1 + \sum_{j=1}^j \exp(x_i \beta_j)}$$

Các hệ số hồi quy sẽ được ước lượng bằng phương pháp ước lượng hợp lý cực đại (Maximum Likelihood Estimation). Giá trị  $P_i$  xác suất nông hộ thứ  $i$  nhận thức về

chương trình NTM ( $P = 0$ : nếu hộ không biết về chương trình;  $P = 1$ : nếu hộ biết nhưng không rõ;  $P = 2$ : nếu hộ biết rõ về chương trình NTM), nên mô hình được viết lại:

$$p(Y = 1) = \frac{1}{1 + \sum_{j=1}^j \exp(x_i \beta_j)}$$

$$p(Y = j) = \frac{\exp(x_i \beta_j)}{1 + \sum_{j=1}^j \exp(x_i \beta_j)}$$

$X_i$  là biến độc lập (Bảng 1) với:

$X_1$  tuổi của chủ hộ (năm). Khi chủ hộ có tuổi càng cao thì nhận thức và kinh nghiệm sống tại địa phương của họ càng nhiều nên dấu kỳ vọng là dương (+).

$X_2$  trình độ học vấn của chủ hộ (năm). Kỳ vọng dấu biến là dương (+) vì chủ hộ có thời gian đi học nhiều hơn, kỳ vọng họ sẽ tiếp thu kiến thức tốt hơn nên nhận thức về chương trình nông thôn mới càng cao.

$X_3$  diện tích đất nông nghiệp (ha). Nếu diện tích đất nông nghiệp của hộ càng lớn thì khả năng nhận thức được vai trò của chương trình nông thôn mới càng rõ. Dấu kỳ vọng là dương (+).

$X_4$  thu nhập của hộ (triệu đồng/hộ/năm). Khi nguồn tổng thu nhập của hộ càng lớn thì hộ sẽ chú ý đến chương trình nông thôn mới nên nhận thức của họ về chương trình càng cao.

$X_5$  hoạt động tạo thu nhập (số hoạt động). Khi hộ có số hoạt động tạo thu nhập tăng, hộ sẽ chú ý đến chương trình nông thôn mới nên nhận thức của hộ về chương trình càng cao. Kỳ vọng dấu biến là dương (+).

$X_6$  mức độ đóng góp của hộ cho chương trình NTM (triệu đồng). Kỳ vọng dấu biến này là dương (+) vì khi hộ có mức độ đóng góp cho chương trình càng cao thì hộ sẽ có những hiểu biết về chương trình, nhận thức của hộ về chương trình nông thôn mới càng lớn.

$D_1$  gia đình có người tham gia trong các tổ chức xã hội (1: có tham gia, 0: không tham gia). Nhận giá trị 1 là có tham gia vào các tổ chức xã hội, 0 là không tham gia vào các tổ chức xã hội. Khi trong gia đình có người tham gia vào các tổ chức xã hội thì hộ sẽ dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin, kiến thức và hình thành nhận thức về chương trình nông thôn mới nên dấu kỳ vọng là dương (+).

$D_2$  giới tính chủ hộ (1: nam, 0: nữ). Nhận giá trị 1 là nam giới, nhận giá trị 0 là nữ giới. Nếu là nam giới thì nhận thức về chương trình nông thôn mới tích cực hơn nữ giới. Nữ giới phải dành nhiều thời gian cho gia đình nên họ sẽ ít thời gian tiếp cận với các nguồn thông tin về chương trình nông thôn mới. Kỳ vọng dấu biến này là dương (+).

**Bảng 1.** Các biến độc lập và kỳ vọng dấu trong mô hình

Tên biến	Kỳ vọng dấu	Giải thích	Nguồn tham khảo
$X_1$ (Tuổi chủ hộ)	(+)	Chủ hộ càng lớn tuổi thì nhận thức về chương trình NTM của hộ càng cao.	Nguyễn Văn Ngân và Võ Thành Danh (2020)
$X_2$ (Trình độ học vấn)	(+)	Trình độ học vấn của chủ hộ càng cao thì mức độ nhận thức của hộ càng về chương trình NTM càng rõ.	Nguyễn Thị Thúy Hằng và cộng sự (2020)
$X_3$ (Diện tích đất nông nghiệp)	(+)	Hộ có sở hữu diện tích đất nông nghiệp càng lớn thì mức độ nhận thức của hộ về chương trình NTM càng rõ.	Nguyễn Văn Ngân và Võ Thành Danh (2020)

Tên biến	Kỳ vọng dấu	Giải thích	Nguồn tham khảo
X <sub>4</sub> (Thu nhập của hộ)	(+)	Thu nhập của hộ càng cao thì mức độ nhận thức của hộ về chương trình NTM càng rõ.	Lê Thị Huệ Trang và Trần Hoài Nam (2020)
X <sub>5</sub> (Hoạt động tạo thu nhập)	(+)	Số hoạt động tạo thu nhập của hộ càng nhiều thì mức độ phụ thuộc của hộ vào chương trình NTM càng lớn.	Nguyễn Thùy Trang và cộng sự (2016)
X <sub>6</sub> (Mức độ đóng góp của hộ cho chương trình NTM)	(+)	Mức độ đóng góp của hộ càng nhiều thì khả năng nhận thức của hộ về chương trình NTM càng lớn.	Tổng Yên Đan và Trần Thị Thu Duyên (2010)
D <sub>1</sub> (Gia đình có người tham gia trong các tổ chức xã hội)	(+)	Gia đình có người tham gia vào các tổ chức kinh tế xã hội thì mức độ nhận thức của hộ về chương trình NTM càng cao.	Hồ Thanh Tâm (2017)
D <sub>2</sub> (Giới tính)	(+)	Nếu giới tính chủ hộ là nam thì khả năng nhận thức sẽ cao hơn chủ hộ là nữ.	Nguyễn Thị Thúy Hằng và cộng sự (2020)

#### 4. Kết quả và Thảo luận

##### 4.1. Đánh giá mức độ hài lòng của đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới

###### 4.1.1. Một số đặc điểm về nhân khẩu học và xã hội học của hộ điều tra

Kết quả khảo sát về đối tượng cho thấy, chủ hộ đa phần là nam giới ở cả ba nhóm hộ. Các nhóm tuổi chủ hộ khá đa dạng, chủ hộ ở nhóm tuổi từ 30-40 tuổi chiếm tỷ trọng cao nhất ở là 29,03% (nhóm hộ không biết về chương trình) và 40% (nhóm hộ biết rõ về chương trình) còn ở nhóm hộ biết nhưng không rõ thì có mức tuổi từ 30 tuổi trở

xuống là 32,43%. Mặt khác, các nhóm hộ có quy mô sản xuất hơn 10.000 m<sup>2</sup> với nhóm hộ không biết chiếm tỷ lệ 80,65%, nhóm hộ biết nhưng không rõ là 89,19% và nhóm hộ biết rõ là 78,82%. Trình độ học vấn của các nhóm hộ tập trung chủ yếu ở nhóm tiểu học. Tuy nhiên, nhóm hộ biết rõ chiếm tỷ lệ cao hơn ở nhóm trung học phổ thông (14,12%) và có quy mô sản xuất trên 10.000m<sup>2</sup> (21,18%) so với nhóm hộ không biết và biết nhưng không rõ. Điều này có tác động tích cực đến nhận thức của các nhóm hộ về chương trình NTM (Bảng 2).

**Bảng 2.** Thông tin chung về đối tượng phỏng vấn

Chỉ tiêu	Hộ không biết		Hộ biết nhưng không rõ		Hộ biết rõ	
	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)	Tần số (Hộ)	Tỷ trọng (%)
<b>Giới tính chủ hộ</b>						
Nam	19	61,29	31	83,78	47	55,29
<b>Tuổi chủ hộ</b>						
≤ 30 tuổi	4	12,90	12	32,43	28	32,94
30 - 40 tuổi	9	29,03	10	27,03	34	40,00
40 - 50 tuổi	6	19,36	10	27,03	17	20,00
50 - 60 tuổi	5	16,13	3	8,10	4	4,71
>60	7	22,58	2	5,41	2	2,35
<b>Trình độ học vấn</b>						
Mù chữ	3	9,68	0	0,00	1	1,17
Tiểu học	22	70,97	27	72,97	36	42,35
Trung học cơ sở	5	16,13	8	21,62	35	41,18
Trung học phổ thông	1	3,22	2	5,41	12	14,12
Cao đẳng - Đại học	0	0,00	0	0,00	1	1,18
<b>Quy mô sản xuất</b>						
≤ 1.000m <sup>2</sup>	5	16,13	4	10,81	15	17,65
1.000 - 5.000m <sup>2</sup>	12	38,71	14	37,84	27	31,76
5.000 - 10.000m <sup>2</sup>	8	25,81	15	40,54	25	29,41
>10.000m <sup>2</sup>	6	19,35	4	10,81	18	21,18

#### **4.1.2. Đánh giá mức độ hài lòng của đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới**

Đánh giá mức độ hài lòng về chương trình NTM của hai nhóm hộ cho thấy nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế xã hội có mức độ hài lòng cao nhất trong nhóm năm tiêu chí

về chương trình NTM. Cả hai nhóm hộ có mức độ hài lòng cao ở nhóm tiêu chí này là trường học, dịch vụ giải trí, hệ thống thương mại lần lượt là 3,59; 3,97; 3,73 (nhóm hộ biết nhưng không rõ) và 3,86; 3,84; 3,92 (nhóm hộ biết rõ) (Bảng 3).

**Bảng 3.** Đánh giá mức độ hài lòng của đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới

Khoản mục	Hộ biết nhưng không rõ		Hộ biết rõ	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
<b>Quy hoạch</b>				
Đất sản xuất	2,92	1,04	3,47	0,85
Đất phát triển hạ tầng	3,27	0,87	3,42	0,78
Đất xây dựng khu dân cư	3,24	0,86	3,38	0,90
<b>Hạ tầng kinh tế - xã hội</b>				
Đường xá, cầu cống	3,51	0,99	3,72	0,80
Khoản mục	Hộ biết nhưng không rõ		Hộ biết rõ	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Hệ thống giao thông	3,32	0,97	3,61	0,79
Hệ thống thủy lợi	3,32	0,78	3,55	0,81
Chất lượng điện	3,24	0,80	3,49	0,77
Trường học	3,59	0,69	3,86	0,80
Dịch vụ giải trí	3,97	0,76	3,94	0,89
Hệ thống thương mại	3,73	0,65	3,82	0,92
Bru điện, Internet	3,30	0,91	3,31	0,82
Dịch vụ ngân hàng	3,24	0,76	3,46	0,87
Chất lượng nhà ở	3,16	1,01	3,47	0,87
<b>Kinh tế và tổ chức sản xuất</b>				
Thu nhập gia đình	3,24	1,14	3,52	0,88
Tỷ lệ hộ nghèo	3,16	0,76	3,48	0,89
Chất lượng lao động	2,84	0,99	3,08	0,94
Sản phẩm nông nghiệp	2,84	0,87	3,02	0,95
<b>Văn hóa xã hội và môi trường</b>				
Hoạt động giáo dục, dạy nghề	3,11	0,77	3,34	0,80
Y tế	3,76	0,68	3,95	0,63
Văn hóa, phong tục	3,49	0,84	3,69	1,04
Không khí, nước	3,19	0,97	3,68	0,94
<b>Hệ thống chính trị</b>				
Chính quyền	3,38	0,76	3,60	0,80
Gần gũi với nhân dân	3,27	0,80	3,53	0,78
Cung cấp thông tin	3,38	0,83	3,40	0,88
An ninh, trật tự xã hội	3,43	0,93	3,64	0,91

Các nội dung trong nhóm quy hoạch gồm đất sản xuất, đất phát triển hạ tầng và đất xây dựng khu dân cư được hai nhóm đánh giá ở mức độ hài lòng. Bên cạnh đó, nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức xã hội được đánh giá là khá hài lòng ở các nội dung với số điểm từ 2,84-3,52 của hai nhóm hộ. Ngoài ra, một số nội dung như chính quyền, gần gũi với nhân dân, cung cấp thông tin, an ninh và trật tự xã hội được đánh giá ở mức độ hài lòng từ 3,27-3,43 ở nhóm hộ biết nhưng không rõ trong nhóm hệ thống chính trị. Ở nhóm hộ biết rõ về chương trình, nội dung gần gũi với nhân dân và cung cấp thông tin cũng được đánh giá hài lòng (tương ứng 3,53; 3,40), trong khi đó ở hai nội dung chính quyền và an ninh, trật tự xã hội được đánh giá ở mức khá hài lòng (tương ứng là 3,60; 3,64). Trong các nội dung về nhóm tiêu chí văn hóa xã hội và môi trường, cả hai nhóm hộ đã đánh giá khá hài lòng về dịch vụ y tế

(3,95) ở nhóm hộ biết rõ và (3,76) ở nhóm hộ biết nhưng không rõ. Nhìn chung, cả hai nhóm hộ khá hài lòng về chương trình NTM, tuy nhiên, nhóm hộ biết rõ về chương trình (3,52) có đánh giá cao hơn nhóm hộ biết nhưng không rõ về chương trình (3,08).

#### 4.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của hộ đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới

Kết quả phân tích của mô hình hồi quy Logit đa thức được thể hiện qua Bảng 4 với hệ số  $R^2$  của mô hình là 26,39% và  $\text{Prob}(F\text{-stat}) = 0,000$  nhỏ hơn rất nhiều so với mức  $\alpha = 5\%$ , điều này cho thấy sự phù hợp của mô hình hồi quy logit đa thức và các biến độc lập trong mô hình giải thích được 26,39% khả năng nhận thức của hộ dân tộc đồng bào S'tiêng về chương trình NTM. Xác suất hộ biết rõ về chương trình là 64% ( $Y_2/Y_0$ ) và biết nhưng không rõ về chương trình là 26% ( $Y_1/Y_0$ ).

**Bảng 4.** Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Logit đa thức

Diễn giải	Y=1		Y=2	
	Hệ số	P-value	Hệ số	P-value
C	3,818		4,769	
X <sub>1</sub> (Tuổi)	-0,098 <sup>***</sup>	0,006	-0,071 <sup>**</sup>	0,036
X <sub>2</sub> (Trình độ học vấn)	0,065 <sup>**</sup>	0,033	0,140 <sup>***</sup>	0,006
X <sub>3</sub> (Diện tích đất nông nghiệp)	-0,227 <sup>ns</sup>	0,714	0,233 <sup>**</sup>	0,028
X <sub>4</sub> (Thu nhập của hộ)	0,015 <sup>**</sup>	0,021	0,004 <sup>**</sup>	0,034
X <sub>5</sub> (Hoạt động tạo thu nhập)	-0,299 <sup>ns</sup>	0,277	-0,269 <sup>ns</sup>	0,307
X <sub>6</sub> (Mức độ đóng góp)	0,970 <sup>**</sup>	0,033	1,540 <sup>**</sup>	0,013
D <sub>1</sub> (Tham gia trong các tổ chức XH)	-0,555 <sup>ns</sup>	0,446	2,003 <sup>***</sup>	0,004
D <sub>2</sub> (Giới tính)	1,799 <sup>***</sup>	0,009	0,211 <sup>ns</sup>	0,729
Tổng số		153		
Pseudo R-Square		0,2639		
Model fitting information				
Likelihood ration test	Chi-square =80,204	DF =16	sig > 0,00000	

Ghi chú: \*\*\*, \*\*, \* lần lượt là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%; ns không có ý nghĩa thống kê



Dựa vào kết quả của mô hình hồi quy thì các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của hộ đồng bào S'tiêng về chương trình NTM như tuổi, trình độ học vấn, thu nhập và mức độ đóng góp, riêng biến diện tích đất nông nghiệp và tham gia các tổ chức xã hội chỉ có ý nghĩa thống kê trong nhóm hộ nhận

thức rõ về chương trình, ngược lại biến giới tính chỉ có ý nghĩa thống kê trong nhóm hộ nhận thức nhưng không rõ về chương trình. Trong đó, yếu tố mức độ đóng góp và trình độ học vấn có ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng nhận thức về chương trình NTM của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng.

**Bảng 5.** Hệ số tác động biên

	Tác động biên		
	Y=0	Y=1	Y=2
X1	0,010	-0,008	-0,010
X2	0,006	0,024	0,030
X3	0,002	-0,016	0,024
X4	0,001	0,002	0,001
X5	0,032	-0,018	-0,014
X6	-0,148	0,010	0,158
D1	0,157	-0,120	0,277
D2	-0,103	0,250	-0,148

Từ kết quả của tác động biên của các yếu tố xác suất tương đối (relative odds ration) trong khả năng nhận thức về chương trình NTM của hộ biết nhưng không rõ và hộ biết rõ với hộ không biết là kết cục cơ sở (Bảng 5). Hệ số hồi quy của một yếu tố càng cao chứng tỏ tác động biên của yếu tố đó đến tỷ số xác suất tương đối càng lớn, tức yếu tố đó tác động càng mạnh đến nhận thức của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng về chương trình NTM. Trong mô hình này, hệ số ước lượng của biến tuổi trái với dấu kỳ vọng, khi tuổi chủ hộ tăng thêm một năm thì nhận thức sẽ giảm 0,8% (hộ biết nhưng không rõ) và 1% (hộ biết rõ), đối với những hộ có độ tuổi càng cao thì việc tiếp cận với nguồn thông tin càng thấp nên khả năng nhận thức về chương trình NTM sẽ giảm. Điều này

cũng phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Lưu Tường Vân (2012); Nguyễn Văn Ngân và Võ Thành Danh (2020), vì chương trình nông thôn mới gồm nhiều nội dung khá phức tạp nên khi tuổi chủ hộ càng lớn sẽ khó nắm bắt hết tất cả nội dung của chương trình.

Biến trình độ học vấn của chủ hộ góp phần tăng khả năng nhận thức về chương trình NTM ở cả hai nhóm hộ, tức là khi trình độ học vấn tăng thêm một năm thì sẽ tăng khả năng nhận thức về chương trình NTM là 2,4% (nhóm hộ biết không rõ) và 3% (nhóm hộ biết rõ). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy Hằng và cộng sự (2020); Tô Ngọc Hưng và Nguyễn Đức Trung (2017) khi trình độ học vấn càng cao, người dân dễ dàng tiếp cận và

học hỏi được nhiều thông tin thông qua báo chí, các lớp học khuyến nông, internet, ... từ đó giúp nâng cao nhận thức về chương trình NTM.

Biến thu nhập cũng có tác động tích cực đến nhận thức của hộ đồng bào S'tiêng, khi thu nhập của hộ tăng thêm một triệu đồng thì khả năng nhận thức về chương trình tăng lên 0,2% (hộ biết nhưng không rõ) và 0,1% (hộ biết rõ). Chương trình nông thôn mới đã có những tác động đáng kể đến thu nhập của người dân. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thùy Trang và cộng sự (2016); Lê Thị Huệ Trang và Trần Hoài Nam (2020) bên cạnh những nỗ lực của chính bản thân hộ thì đồng bào cũng được tiếp cận những nguồn lợi từ chương trình NTM như điều kiện giao thông, thủy lợi, môi trường, công nghệ thông tin nên hoạt động sản xuất và thu mua nông sản thuận tiện hơn. Mặt khác, những mô hình sản xuất

mới có hiệu quả kinh tế được áp dụng đã góp phần cải thiện sinh kế của các hộ đồng bào dân tộc.

Biến mức độ đóng góp có ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng nhận thức của hộ, điều này cho thấy khi hộ đồng bào hiểu được ý nghĩa của chương trình NTM thì họ sẽ thúc đẩy nhanh quá trình nông thôn mới và tích cực tham gia để cải thiện môi trường sống, điều kiện sản xuất và hạ tầng cơ sở tại địa phương (Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú, 2016). Sự tham gia của người dân vào việc xây dựng nông thôn mới được coi như nhân tố quan trọng, quyết định sự thành bại của chương trình. Khi tham gia vào quá trình xây dựng nông thôn mới người dân sẽ từng bước được tăng cường kỹ năng, năng lực về quản lý và vai trò của hộ cũng được thể hiện qua dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý và dân hưởng lợi.

**Bảng 6.** Kết quả dự đoán mô hình

Chỉ tiêu	Số hộ	Dự đoán của mô hình		
		Y=0	Y=1	Y=2
Y=0	31	16	4	11
Y=1	37	4	16	17
Y=2	85	7	8	70
% dự đoán đúng		66,67%		

Kết quả dự đoán trong mô hình, kết quả dự đoán đúng tương đối cao là 66,67% (Bảng 6). Điều này cho thấy các hệ số hồi quy của mô hình là thích hợp cho việc giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng về chương trình NTM. Cụ thể, ở nhóm hộ biết rõ với tổng số 85 hộ thì mô hình dự đoán đúng 70 hộ có khả năng biết rõ về chương trình đạt 45,75%. Tương tự, trong số 37 hộ biết

nhưng không rõ về chương trình thì mô hình dự đoán được 16 hộ (10,46%) đúng với thực tế và trong số 31 hộ cho rằng không biết về chương trình thì mô hình đã dự báo đúng 16 hộ (10,46%) đúng với thực tế.

#### **4.3. Đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao nhận thức về chương trình nông thôn mới của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng**

Qua kết quả phân tích trên, nghiên cứu

đề xuất một số hàm ý nhằm nâng cao nhận thức của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng về chương trình nông thôn mới như:

Chính quyền địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền với nội dung súc tích, dễ hiểu qua báo đài, loa phát thanh, tờ rơi, internet, ... đồng thời tạo ra những phong trào thi đua, vận động người dân tham gia nhằm thúc đẩy người dân tham gia quá trình xây dựng nông thôn mới, từ đó người dân hiểu rõ hơn vai trò của mình và mức độ đóng góp của người dân cho chương trình được cải thiện.

Tăng cường, mở rộng các lớp phổ cập giáo dục, đào tạo nghề nhằm nâng cao kiến thức, trình độ cho người dân. Đổi mới, xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Chính quyền cũng hỗ trợ để đẩy mạnh các mô hình tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp và các mô hình tiểu thủ công nghiệp hướng tới phát huy được sản phẩm đặc sản truyền thống và nâng cao thu nhập đồng bào dân tộc S'tiêng.

## 5. Kết luận

Chương trình nông thôn mới đã góp phần thay đổi cuộc sống người dân tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, vì vậy việc nâng cao nhận thức của hộ về chương trình dựa vào các yếu tố ảnh hưởng là cần thiết, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc S'tiêng đang sinh sống trên địa bàn. Nhìn chung, các hộ đồng bào dân tộc S'tiêng khá hài lòng về kết quả thực hiện chương trình này tại địa phương, tuy nhiên, nhóm hộ biết rõ về chương trình có mức độ hài lòng cao hơn so với nhóm hộ biết nhưng không rõ. Kết quả mô hình hồi quy logit đa thức đã xác định khả năng nhận thức về chương trình của hộ biết nhưng không rõ là 26% (Y1/Y0) và hộ biết rõ là 64% (Y2/Y0).

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng về chương trình là tuổi, trình độ học vấn, thu nhập và mức độ đóng góp, trong đó, biến mức độ đóng góp và trình độ học vấn có tác động mạnh đến nhận thức của hộ về chương trình này. Ngoài ra, kết quả dự đoán đúng tương đối cao là 66,67%, điều này cho thấy các hệ số hồi quy của mô hình là thích hợp cho việc giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng về chương trình. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý về chính sách được đưa ra nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương hiệu quả hơn.

## Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I., and Fishbein, M., (2005). The influence of attitudes on behavior. In D. Albarracín, B. T. Johnson, and M. P. Zanna (Eds.), *The handbook of attitudes*. Mahwah, NJ: Erlbaum, 173-221.
- Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2008). *Nghị quyết 26/NQ-TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008 về "Hội nghị lần thứ bảy ban chấp hành trung ương khóa x về nông nghiệp, nông dân, nông thôn"*.
- Bộ Nội vụ (2020). *Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 trên toàn quốc*. Truy cập 22/09/2021, nguồn: <https://moha.gov.vn/danh-muc/ket-qua-thuc-hien-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-xay-dung-nong-thon-moi-giai-doan-2010-2020-tren-toan-quoc-45557.html>.
- Công thông tin điện tử tỉnh Bình Phước (2021). *90 xã xây dựng nông thôn mới đạt trung bình 17,46 tiêu chí/xã*. Truy cập ngày 22/09/2021, nguồn:

- <https://binhphuoc.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien-421/90-xa-xay-dung-nong-thon-moi-dat-trung-binh-17-46-tieu-chi-xa-24880.html>
- Do, M.H., and Park, S.C. (2019). Impacts of Vietnam's new rural development policy on rural households' income: empirical evidence from the Heckman selection model. *International Review of Public Administration*, 24(4), 229-245.
- Hà Phước Hùng và Võ Lê Khánh Quỳnh (2020). Hiện trạng khai thác và nhận thức về tác động của biến đổi khí hậu đến nghề lưới đáy ven bờ, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 56(2), 184-190.
- Hà Quang Trung, Nguyễn Thanh Hiếu và Ngô Tất Thắng (2020). Sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới – nghiên cứu trường hợp tại Lào Cai. *TNU Journal of Science and Technology*, 225(07), 455-461.
- Hồ Thanh Tâm (2017). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về biến đổi khí hậu của nông dân trồng lúa tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 50(D), 9-18.
- Klein, R.J., Nicholls, R.J., and Mimura, N., (1999). Coastal adaptation to climate change: can the IPCC Technical Guidelines be applied?. *Mitigation and adaptation strategies for global change*, 4(3), 239-252.
- Lê Thị Huệ Trang và Trần Hoài Nam (2020). Đánh giá mức độ nhận thức về tầm quan trọng của hệ sinh thái rừng ảnh hưởng đến cuộc sống đồng bào Raglay tại vườn quốc gia thuộc tỉnh Ninh Thuận. *Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm Nghiệp*, 5, 142-149.
- Nguyễn Duy Cần, Trần Duy Phát, Phạm Văn Trọng Tính và Lê Sơn Trang (2012). Đánh giá và huy động các nguồn lực của cộng đồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Viễn, Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 24b, 199-209.
- Nguyễn Lưu Tường Vân (2012). *Đánh giá vai trò của hộ gia đình trong công cuộc xây dựng nông thôn mới tại xã Trung Lập Hạ - huyện Củ Chi*. Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy và Đinh Văn Lang (2008). *Giáo trình tâm lý học đại cương*. Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thúy Hằng, Nguyễn Thị Hồng Điệp, Phan Ngọc Sơn, Lê Diệu Linh, Nguyễn Ngọc Hoàng Kim, Võ Thị Thanh Thanh và Phạm Thị Ánh Ngọc (2020). Phân tích nhận thức rủi ro và các biện pháp quản lý rủi ro trong mô hình lúa-tôm tại tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(5D), 227-235.
- Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú (2016). Nhận thức và sự sẵn lòng đóng góp của nông hộ cho chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 46, 96-103.
- Nguyễn Thùy Trang, Trương Thảo Nhi và Võ Hồng Tú, (2016). Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 46, 116-121.
- Nguyễn Văn Ngân và Võ Thành Danh (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức rủi ro lũ lụt của nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa*

- học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(4D), 248-255.
- Osberghaus, D., Finkel, E. and Polh, M. (2010). *Individual adaptation to climate change: The role of information and perceived risk*. ZEW - Leibniz Centre for European Economic Research Discussion paper, 10-061.
- Pannapa, C., and Dennis, K.J.L. (2013). Selection of multinomial logit models via association rules analysis. *Advanced Review*, 5, 68-77.
- Phùng Thị Huyền (2018). *Đánh giá tác động của việc thực hiện xây dựng nông thôn mới tới đời sống của người dân tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc*. Luận văn, Trường Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội, Việt Nam.
- Tabachnick, B.G., and Fidell, L.S. (1996). *Using multivariate statistics* (3<sup>rd</sup> ed.). New York, NY: Harper Collins.
- Tô Ngọc Hưng và Nguyễn Đức Trung (2017). Phân tích các yếu tố tác động đến quy mô vay vốn của hộ gia đình khu vực nông thôn mới. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 60(4), 6-12.
- Tổng Yên Đan và Trần Thị Thu Duyên (2010). Đánh giá nhận thức của cộng đồng về bảo tồn Sếu đầu đỏ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 16b, 32-41.
- Trần Hữu Sơn và Đặng Thị Nguyệt (2015). *Tác động của chương trình nông thôn mới tới văn hóa tộc người Dao Thanh Y ở xã Bằng Cả, huyện Hoanh Bồ, tỉnh Quảng Ninh*. Luận văn, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam.
- Trương Trí Thông và Nguyễn Thị Tường Vi (2020). Các nhân tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên khoa du lịch, Trường Cao đẳng Kiên Giang về biến đổi khí hậu. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(2C), 168-177.
- Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang (2020). Vai trò của chương trình xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế hộ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(4D), 266-273.
- Võ Thành Danh (2010). Đánh giá nhận thức của người dân về ô nhiễm nguồn nước sông. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 15(b), 38-45.